

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST.

Ngày: 25-3-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miến.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 142/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về Tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-DS ngày 19/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP BV (gọi tắt là BVBank).

Địa chỉ: Tòa nhà HM Town 412 NTMK, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình An – Giám đốc, theo văn bản ủy quyền số 846/23/BVBank/UQ-QL&THN ngày 14/12/2023.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Phạm Tuấn T và ông Phạm Văn N, theo Giấy ủy quyền ngày 13/8/2024; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1989. Đầu vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã CS (cũ), nay là thôn 2, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Cháu Nguyễn Minh P, sinh năm 2015; cháu Nguyễn Hữu P2, sinh năm 2018 và cháu Nguyễn Minh C, sinh năm 2021.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu P, cháu P2 và cháu C: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1989 (là bố mẹ đẻ).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã CS (cũ), nay là thôn 2, xã TX, huyện TT, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2024, Biên bản hòa giải ngày 21/02/2025 và ngày 27/02/2025, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP BV trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T đã ký với BVBank Hợp đồng tín dụng từng lần KHCN số 0202100007000 ngày 21/12/2021: Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn). Mục đích vay: Mua bất động sản. Thời hạn vay: 240 tháng. Lãi suất vay : Được ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, BVBank đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T 01 (một) Giấy nhận nợ, với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

Khoản nợ trên được đảm bảo bằng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng khác, rừng trồng, vườn cây, các tài sản khác gắn liền với đất (kể cả trường hợp tài sản này hình thành trong tương lai) tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn 3, xã CS, huyện TT Tp. Hà Nội thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BB 503697, số vào sổ cấp GCN: CH 00221/QSDĐ/306/Ttr-TN&MT do UBND huyện TT, TP. Hà Nội cấp ngày 18/6/2013, đăng ký sang tên cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T ngày 17/5/2021 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện TT.

Tài sản trên được thế chấp cho BVBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 21/12/2021, được công chứng tại Văn phòng công chứng Phan Xuân, số công chứng: 6554.2021/HĐTC; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận TX, TP. Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T không trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho BVBank. BVBank đã nhiều lần liên hệ, đốc thúc khách hàng thanh toán nhưng đến nay ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T vẫn không thanh toán nợ vay cho BVBank. Vì vậy, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký với BVBank.

Tạm tính đến ngày 21/02/2025, tổng nghĩa vụ nợ của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T tại BVBank là 1.726.976.783 đồng, trong đó tiền gốc là 1.386.339.859 đồng; tiền lãi trong hạn là 296.446.227 đồng; tiền phạt là 25.600.247 đồng; phạt chậm vốn là 18.590.450 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T phải trả ngay cho BVBank tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 21/02/2025 là 1.726.976.783 đồng. Thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 21/5/2025.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng và Giấy nhận nợ, đã ký với BVBank, tính kể từ ngày 22/02/2025 đến ngày trả dứt nợ.

Nếu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì BVBank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng khác, rừng trồng, vườn cây, các tài sản khác gắn liền với đất (kể cả trường hợp tài sản này hình thành trong tương lai) tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn 3, xã CS, huyện TT, TP. Hà Nội thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại BVBank thì ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho BVBank.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:**

Năm 2021 vợ chồng ông bà có vay ngân hàng BV số tiền 1.500.000.000 đồng để làm ăn. Thời hạn vay, lãi suất vay ông bà không nhớ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là thửa đất số 271 tờ bản đồ số 19 diện tích 66,5m² tại xã CS, huyện TT. Thửa đất này là đất cha ông để lại. Hiện đang sinh sống trên đất có vợ chồng ông bà và các con.

Quá trình vay tiền ông bà không nhớ cụ thể đã trả được bao nhiêu tiền, chỉ nhớ là trả được khoảng 2 năm cả gốc và lãi. Sau đó do làm ăn thua lỗ nên không thể thanh toán cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Nay ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền gốc là 1.386.339.859 đồng tiền gốc, tiền lãi trong hạn là 296.446.227 đồng; tiền phạt là 25.600.247 đồng; phạt chậm vốn là 18.590.450 đồng. Tổng cộng là 1.726.976.783 đồng.

Tôi công nhận tiền gốc là đúng, còn tiền lãi thì không biết tính toán thế nào, ông bà mong Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà trả dần tiền gốc, còn tiền lãi thì xin miễn toàn bộ vì hiện tại hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự. Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 281, 298, 299, 302, 305, 351, 385, 398, 463, 466, 468, 470, Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vụ án phát sinh là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là BVbank và bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T. Bị đơn có địa chỉ tại huyện TT, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt, không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100007000 ngày 21/12/2021 và Giấy nhận nợ số 0202100007000001 ngày 21/12/2021 được ký kết giữa các bên có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 và điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng, nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng,

BVbank đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, tiến hành giải ngân số tiền gốc là 1.500.000.000 đồng cho ông Toàn, bà Thu. Đến ngày 25/3/2025 ông Toàn, bà Thu mới thanh toán trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc là 113.660.141 đồng, tiền nợ lãi là 256.638512 đồng.

Sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn, nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ vào ngày 16/01/2022. BVbank đã thông báo yêu cầu ông Toàn, bà Thu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và ngày 13/8/2024 làm đơn khởi kiện tại Tòa án.

Tính đến ngày 25/3/2025, ông Toàn, bà Thu còn nợ BVbank tổng số tiền là: **1.744.819.249 đồng**. Trong đó, nợ gốc là 1.386.339.859 đồng; nợ lãi trong hạn là 309.698.874 đồng; nợ lãi quá hạn là 20.570.834 đồng; lãi phạt chậm lãi là 28.209.682 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh sau ngày 25/3/2025 cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày 25/3/2025 cho đến khi thanh toán xong, phía bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký kết nêu trên. *(tiền lãi được tính theo các Quyết định điều chỉnh lãi suất của BVbank)*.

2.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 6554.2021/HĐTD ngày 21/12/2021 tại văn phòng công chứng Phan Xuân, TP Hà Nội; đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 22/12/2021 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh TT giữa BVbank (*bên nhận thế chấp*) và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T (*bên thế chấp*) đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch bảo đảm, phù hợp với các quy định tại Điều 298, 335, 342 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12; Điều 41 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/02/2025 thì: Trên thửa đất số 271, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn 3, xã CS (cũ), nay là thôn 2, xã TX, huyện TT TP. Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BB 503697, số vào sổ cấp GCN: CH00221/QSDĐ/306/TTr-TN&MT do UBND huyện TT, TP. Hà Nội cấp ngày 18/6/2013 cho ông Nguyễn Văn Tuấn. Ngày 17/5/2021 tặng cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T theo hồ sơ số 000221.TA.002, có 01 nhà 3 tầng và sân gạch được thể hiện trong nội dung hợp đồng thế chấp thì, tài sản thế chấp là quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản của ông Toàn, bà Thu. Hiện nay có ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T, cháu Nguyễn Minh P, cháu Nguyễn Hữu P và cháu Nguyễn Minh C đang sinh sống trên thửa đất này.

Do vậy trường hợp ông Toàn, bà Thu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì BVbank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 6554.2021/HĐTD ngày 21/12/2021 tại văn phòng công chứng Phan Xuân, TP Hà Nội.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là **64.344.000 đồng** (*Sáu mươi tư triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Trả lại VPbank số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 4 Điều 91, 143, 144, 147, 175, 177, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 81, 117, 280, 293, 295, 296, 298, 317, 318, 319, 385, 398 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, 91, 95 và khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, Điều 22 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BV (BVbank).

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T thanh toán trả BVBank số tiền tính đến ngày 25/3/2025 là **1.744.819.249 đồng**. Trong đó, nợ gốc là

1.386.339.859 đồng; nợ lãi trong hạn là 309.698.874 đồng; nợ lãi quá hạn là 20.570.834 đồng; lãi phạt chậm lãi là 28.209.682 đồng.

Kể từ ngày 26/3/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Toàn, bà Thu còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0202100007000 ngày 21/12/2021 đã ký với BVbank.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất thì lãi suất mà ông Toàn, bà Thu phải chịu theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của BVbank.

1.2. Kể từ khi ông Toàn, bà Thu thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì BVBank phải giải chấp tài sản thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 503697, số vào sổ cấp GCN: CH00221/QSDD/306/TTr-TN&MT cho ông Toàn, bà Thu.

1.3. Trường hợp ông Toàn, bà Thu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì BVbank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, và tài sản gắn liền với đất thửa số 271, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: thôn 3, xã CS (cũ), nay là thôn 2, xã TX, huyện TT TP. Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành BB 503697, số vào sổ cấp GCN: CH00221/QSDD/306/TTr-TN&MT do UBND huyện TT, Tp. Hà Nội cấp ngày 18/6/2013 cho ông Nguyễn Văn Tuấn. Ngày 17/5/2021 tặng cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Xuân T theo hồ sơ số 000221.TA.002. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 6554.2021/HĐTD ngày 21/12/2021 tại văn phòng công chứng Phan Xuân, TP Hà Nội, để thu hồi nợ.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các đương sự có tên trên, nếu các cá nhân, tổ chức nào đang thực tế sử dụng, sinh sống tại thửa đất nêu trên cũng phải thực hiện nghĩa vụ dời đi chỗ khác để thi hành án.

1.4. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ trả nợ cho khoản vay thì ông Toàn, bà Thu vẫn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả nợ cho BVbank đến khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký với BVbank

1.5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: **64.344.000 đồng** (*Sáu mươi tư triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả BVBank số tiền 30.284.000 (*Ba mươi triệu hai trăm tám tư nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số: 0017950 ngày 21/10/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu HSVA.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Ninh